Trung tâm Công báo và Tin học
ttcbth@quangngai.gov.vn
14.03.2018
16:21:13 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 3 năm 2018*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 2112
Ngày: 14/3/18
Chuyển:

BÁO CÁO
Đánh giá kết quả 04 năm thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Thực hiện Công văn số 440/BTNMT-ĐCKS ngày 26/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá kết quả 04 năm thực hiện Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định 203/2013/NĐ-CP), UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khoáng sản chủ yếu của tỉnh Quảng Ngãi là khoáng sản làm VLXD thông thường, bao gồm: Đá, cát sỏi lòng sông làm VLXD thông thường và đất đồi làm vật liệu san lấp; các mỏ khoáng sản có quy mô trữ lượng nhỏ; khai thác - chế biến khoáng sản chủ yếu phục vụ nhu cầu xây dựng các công trình, dự án và phục vụ xây dựng dân dụng trên địa bàn tỉnh (bán ra ngoài tỉnh rất ít).

Từ ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (20/01/2014) đến ngày 31/12/2017, UBND tỉnh đã phê duyệt 162 hồ sơ kê khai nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân *(Đá xây dựng 31 hồ sơ; cát, sỏi lòng sông 34 hồ sơ; đất đồi làm vật liệu san lấp 63 hồ sơ; đăng ký khu vực, công suất khối lượng khoáng sản trong dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 2, Điều 64 của Luật Khoáng sản là 34 hồ sơ)*. Tổng số tiền cấp quyền đã phê duyệt khoảng 163 tỷ đồng; số tiền đã thu khoảng 96,8 tỷ đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 203/2013/NĐ-CP

1. Tình hình triển khai thực hiện

- Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 203/2013/NĐ-CP chủ yếu thực hiện theo hình thức tọa đàm, thông qua các hội nghị chuyên đề, hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm giữa cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản với lãnh đạo UBND cấp huyện, thành phố và bộ phận chuyên môn về tài nguyên về môi trường ở cấp huyện, thành phố. Thông qua các đợt tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản nói chung, Nghị định số 203/2013/NĐ-CP nói riêng và cơ chế, chính sách của tỉnh trong việc phân

cấp nguồn thu từ hoạt động khoáng sản đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; góp phần khắc phục tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

- Từ khi Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo cơ quan chuyên môn của tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, thông báo, hướng dẫn chi tiết cho tổ chức, cá nhân được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác thực hiện kê khai nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản *(2551/UBND-NNTN ngày 23/6/2014; 3310/UBND-NNTN ngày 31/7/2014; 693/UBND-NNTN ngày 12/02/2015; 2910/UBND-NNTN ngày 18/6/2015; 511/UBND-NNTN ngày 29/01/2016; 3806/UBND-NNTN ngày 15/7/2016; 1414/UBND-NNTN ngày 20/3/2017; 2559/UBND-NNTN ngày 04/5/2017;...)* và thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để quản lý, thu tiền cấp quyền khai thác; Tính đến ngày 31/12/2017, trên địa bàn tỉnh không còn đơn vị nào được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác chưa thực hiện kê khai nộp tiền cấp quyền.

2. Kết quả đạt được sau 04 năm thực hiện

a) Kết quả tính, thẩm định, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến ngày 31/12/2017 được thống kê theo các Phụ lục sau, đính kèm:

- Phụ biểu 2a/BC - TCQKS: Báo cáo tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến ngày 31/12/2017, mỏ đá làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Phụ biểu 2b/BC - TCQKS: Báo cáo tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến ngày 31/12/2017, mỏ cát, sỏi lòng sông làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Phụ biểu 2c/BC - TCQKS: Báo cáo tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến ngày 31/12/2017, mỏ đất đồi làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Phụ biểu 2d/BC - TCQKS: Báo cáo tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến ngày 31/12/2017, đăng ký khối lượng khoáng sản trong dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Ưu điểm, hạn chế, bất cập và nguyên nhân.

Quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP đã khắc phục cơ bản tình trạng đầu cơ xin cấp mỏ để mua, bán chuyển nhượng quyền khai thác; đóng góp nguồn lực tài chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, sau 04 năm triển khai thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP còn nhiều tồn tại, bất cập, cụ thể:

Nghị định số 203/2013/NĐ-CP sử dụng ngôn ngữ kỹ thuật chuyên ngành nhiều nhưng không có thông tư hướng dẫn để thực hiện; không quy định đầy đủ đối tượng phải thực hiện nộp tiền cấp quyền; quy định trữ lượng

sử dụng tính tiền cấp quyền không phù hợp với thực tế; không hướng dẫn việc xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản *(đơn giá đồng/đơn vị trữ lượng; giá tính thuế tài nguyên đồng/đơn vị sản phẩm)*; về phương thức thu tiền và thời điểm nộp tiền cấp quyền hàng năm là không phù hợp, gây áp lực tài chính cho doanh nghiệp; Nghị định chưa quy định rõ quyền lợi của doanh nghiệp đã hoàn thành việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và doanh nghiệp trả lại toàn bộ Giấy phép khai thác (trả mỏ không khai thác, lý do bất khả kháng);... *(được giải trình ở Mục III)*.

3. Đánh giá việc thực hiện các quy định của Nghị định

a) Về phương pháp tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (phương pháp xác định trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phương pháp quy đổi giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản..):

Tính đến thời điểm hiện nay, Chính phủ ban hành Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản *(sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP)* và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 38/2017/TT-BNTMT ngày 16/10/2017 quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã khắc phục được một số nội dung tồn tại của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP; về phương pháp xác định trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phương pháp quy đổi giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là phù hợp với thực tế; áp dụng thực hiện thuận lợi.

b) Về mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (các mức áp dụng cho từng nhóm, loại khoáng sản đã hợp lý hay chưa?; cách phân loại, tên gọi của các loại khoáng sản có phù hợp với thực tế hay không?...).

- Về việc phân nhóm, loại khoáng sản; cách phân loại, tên gọi của các loại khoáng sản và mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là phù hợp. Tuy nhiên, đối với Nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng (Mục II), quy định tại Phụ lục II - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ cần xem xét cập nhật, sửa đổi bổ sung tên gọi cho các loại tài nguyên thuộc nhóm đá xây dựng cho sát hợp với Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau, để thuận lợi cho việc áp dụng thực hiện tại địa phương;

- Mặt khác, cần bổ sung làm rõ đối với nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường và than bùn (Mục I, Phụ lục II - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh và nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tránh nhầm lẫn áp dụng theo nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng quy định tại Mục II.

c) Về phương thức thu, nộp (số lần nộp, thời điểm nộp và kết thúc việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với từng trường hợp cụ thể):

- Về phương thức thu tiền; số lần nộp tiền và thời điểm kết thúc nộp tiền cấp quyền là không phù hợp với thực tế *(thu một lần bằng 100% trước khi giấy phép hết hạn 5 năm đối với thời gian khai thác còn lại trong Giấy phép khai thác hoặc cấp mới bằng hoặc dưới 05 (năm) năm; Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực, hoàn thành việc thu trước khi giấy phép hết hạn 5 năm; Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản cấp sau ngày Nghị định này có hiệu lực, hoàn thành việc thu vào nửa đầu thời hạn cấp phép)*, bởi vì quy định như trên là không công bằng đối với giấy phép cấp sau ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực với giấy phép cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực, ví dụ trong trường hợp tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp bằng nhau *(một đơn vị nộp tiền 10 lần nộp và một đơn vị nộp tiền 7 lần)*, cụ thể:

+ Đối với giấy phép cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực, thời hạn còn lại của giấy phép là 14 năm; thời hạn hoàn thành việc thu trước khi giấy phép hết hạn 5 năm (theo công thức: $T_{hn} = T: (X - 4)$ là đồng nghĩa với số lần nộp tiền là 10 năm (số lần nộp tiền: $N = (X - 4) = 10 - 4 =$ 10 lần);

+ Đối với giấy phép cấp sau ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực, thời hạn cấp phép khai thác là 14 năm; hoàn thành việc thu vào nửa đầu thời hạn cấp phép (theo công thức $T_{hn} = 2T: X$) là đồng nghĩa với số lần nộp tiền là 7 năm; nộp 1 lần cho 2 năm khai thác (số lần nộp tiền: $N = X/2 = 14/2$ $= 7$ lần);

+ Tương ứng với giấy phép cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực thời hạn còn lại của giấy phép càng dài thì sự bất công bằng càng lớn so với giấy phép cấp sau ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực.

- Thời điểm thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các trường hợp như trả lại một phần hoặc trả lại toàn bộ Giấy phép khai thác (trả mỏ); nguyên nhân khách quan không thu hồi được đất; thời gian xây dựng cơ bản mỏ; thời điểm phê duyệt, có quyết định đóng cửa mỏ:

+ Thời điểm nộp tiền quy định tại Khoản 3, Điều 11: "Thời điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chậm nhất lần đầu là 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế địa phương"; qui định như trên là không rõ ràng, không phân biệt được đối với giấy phép cấp trước và sau Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực; vì vậy cần xem xét, điều chỉnh bổ sung làm rõ: "Thời điểm nộp tiền cấp quyền đối với giấy phép cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực; giấy phép cấp sau ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực;

+ Thời điểm các lần sau chậm nhất là ngày 31/3 các năm tiếp theo là không phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Đối với khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường và than bùn thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; theo quy định tại điểm đ, Khoản 3, Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 là không thuộc diện phải thu hồi đất; doanh nghiệp được cấp phép khai thác phải tự thỏa thuận với chủ đất để đền bù, giải phóng mặt; xây dựng cơ bản mỏ; thực hiện khai thác, sau đó cải tạo phục hồi môi trường; đóng cửa mỏ và trả lại đất cho chủ sở hữu sử dụng đất: Đối với trường hợp chưa thỏa thuận được với chủ sở hữu đất, doanh nghiệp nộp tiền cấp quyền cho năm tiếp theo là rất khó khăn.

- Đối với mỏ đấu giá quyền khai thác khoáng sản, nếu trúng đấu giá thì số lần nộp tiền (dưới 50 tỷ phải nộp một lần) so với mỏ không phải đấu giá thì số lần nộp là nhiều lần: Việc quy định tiền trúng đấu giá < 50 tỷ đồng phải nộp toàn bộ một lần trước khi cấp phép khai thác *(quy định tại Khoản 1, 2, Điều 7, Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính)* là quá bất công bằng so với các mỏ không đấu giá (nộp tiền nhiều lần), việc quy định mức trần 50 tỷ đồng là quá lớn, không phù hợp với thực tế; vì vậy cần xem xét điều chỉnh, bổ sung theo hướng "Phân theo nhóm loại khoáng sản và nộp theo tỷ lệ phần trăm (%) so với tiền trúng đấu giá; số tiền còn lại nộp theo thời hạn cấp phép khai thác;...

d) Về chế độ quản lý và sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Về chế độ quản lý và sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP là phù hợp. Tuy nhiên, đối với Giấy phép do Trung ương cấp cần xem xét phân bổ tiền cấp quyền lại cho địa phương ít nhất là 40%, thay vì 30% như hiện nay.

e) Về cơ chế phối hợp từ Trung ương đến địa phương và các doanh nghiệp khai thác khoáng sản (phối hợp giữa các ngành tài nguyên, thuế...): Về cơ chế phối hợp từ Trung ương đến địa phương và giữa cơ quan thuế với cơ quan về tài nguyên và môi trường quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP là phù hợp. Tuy nhiên, công tác báo cáo *(điểm đ, Khoản 2, Điều 15)* tổng hợp số liệu về công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm cần xem xét, lồng ghép với báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản hàng năm, để đơn giản hóa chế độ báo cáo theo Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước"; về thời gian báo cáo thực hiện theo quy định điểm b, Khoản 4, Điều 7, Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

g) Về đánh giá tác động của việc cấp phép khai thác khoáng sản thông qua chính sách thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản: Việc cấp phép khai thác khoáng sản thông qua chính sách thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm tăng thêm trách nhiệm, phức tạp, khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; đây là nhiệm vụ mới, khá phức tạp, rất tốn kém nhiều thời gian; Tuy nhiên trước khi triển khai thực hiện Nghị định 203/2013/NĐ-CP, cán bộ chuyên môn (chuyên trách) ở cấp tỉnh chưa được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; khi triển khai thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, lúng túng; trong khi đó nguồn nhân lực (biên chế) rất hạn chế, không tương xứng với chức năng nhiệm vụ được giao, tác động đến công tác quản lý nhà nước về khoáng sản tại địa phương.

- Đối với doanh nghiệp khai thác khoáng sản: Thông qua chính sách thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nhiều doanh nghiệp khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực cố tình tránh né, kéo dài thời gian kê khai nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; nhiều doanh nghiệp không hài lòng với chính sách thu tiền cấp quyền, cụ thể là phương thức thu, nộp tiền cấp quyền; thời gian hoàn thành việc nộp tiền cấp quyền là quá nhanh, gây khó khăn trong khâu hạch toán chi phí sản xuất hàng năm vào trong giá thành sản phẩm;...chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động khoáng sản là chưa thỏa đáng, đầy đủ.

- Đối với người dân nơi có khu vực khoáng sản khai thác rất đồng tình với chính sách thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trước khi cấp giấy phép khai thác; người dân địa phương được hưởng lợi thông qua việc phân bổ nguồn thu tiền cấp quyền của tỉnh về cho địa phương (cấp huyện hưởng 40%, cấp xã 20%) để đầu tư phát triển hạ tầng giao thông và chương trình mục tiêu quốc giá xây dựng nông thôn mới.

- Đối với mỏ chưa đưa vào khai thác do nguyên nhân khách quan thì việc nộp tiền có tác động không...: Chính sách thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013/NĐ-CP, quy định chưa đầy đủ nội dung về quyền của doanh nghiệp sau khi đã hoàn thành việc nộp tiền cấp quyền mà chưa thể đưa mỏ vào hoạt động khai thác *(do nguyên nhân khách quan)*; quyền được gia hạn giấy phép đối với trữ lượng khoáng sản đã nộp tiền cấp quyền mà chưa khai thác *(do khai thác không đạt công suất thiết kế; do không có thị trường đầu ra;..)*.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những điểm bất cập trong các quy định của Nghị định 203/2013/NĐ-CP

Sau 04 năm triển khai thực hiện *(không có thông tư hướng dẫn)* cho thấy Nghị định số 203/2013/NĐ-CP còn nhiều tồn tại, bất cập, cụ thể như sau:

- Điều 2: Không quy định đầy đủ đối tượng phải thực hiện kê khai nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (sau 03 năm triển khai, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 158/2016/NĐ-CP 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản);

- Điều 6: Quy định về trữ để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là không phù hợp với thực tế (sau 03 năm triển khai, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản);

- Tại Khoản 4, Điều 6 quy định "Trường hợp xin gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân phải nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng lớn hơn so với trữ lượng đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản"; Nghị định không quy định rõ trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nhưng vì lý do bất khả kháng chưa khai thác hết phần trữ lượng đã nộp tiền, thì có được xem xét tiếp tục cho gia hạn giấy phép để khai thác hết trữ lượng đã nộp tiền hay không. Vì vậy, Nghị định cần phải bổ sung làm rõ để địa phương thuận lợi trong trong triển khai thực hiện.

- Tại Điều 7: quy định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên. Tuy nhiên, tại Điều 11 quy định "G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quy định cụ thể tại Điều 7 Nghị định này; đơn vị tính là đồng/đơn vị trữ lượng"; nhưng không có hướng dẫn phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản *(sau 4 năm mới có hướng dẫn tại Thông tư số 38/2017/TT-BNTMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*;

- Tại Khoản 3, Điều 7 *(qui định Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng giá tính thuế tài nguyên)* là chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính (do Bộ Tài chính qui định); đề nghị điều chỉnh, bổ sung Khoản 3, Điều 7 cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành liên quan.

- Điều 8 *(Trình tự, hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)*: Hồ sơ kê khai nộp, thẩm định tiền cấp quyền là không rõ ràng cho các trường hợp, cụ thể: "

+ Hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Giấy phép cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực *(ngày 01/4/2014)*.

+ Hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Giấy phép cấp sau ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực.

- Điều 11 *(Phương thức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)*: Nội dung qui định tại Khoản 3, Điều 11 qui định về thời gian nộp tiền cấp quyền là không rõ ràng, chưa phân biệt đối với giấy phép cấp trước và sau Nghị

định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực, vì vậy đề nghị điều chỉnh, bổ sung tách rõ làm 2 trường hợp:

+ Đối với Giấy phép cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực (thời điểm nộp tiền là 90 ngày kể từ ngày nhận Thông báo của Cục thuế địa phương);

+ Giấy phép cấp sau ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực (thời điểm nộp tiền lần đầu theo Thông báo của Cục thuế địa phương và trước khi cấp giấy phép khai thác).

+ Qui định về phương thức thu tiền là không phù hợp, bất công, gây quá khó khăn cho doanh nghiệp *(được giải trình chi tiết tại điểm c, nội dung 3)*;

+ Quy định về thời điểm nộp tiền hàng năm (trước 31/3/hàng năm) là không phù hợp; bởi vì 3 tháng đầu năm (rơi vào thời điểm nghỉ tết Nguyên đán), doanh nghiệp chưa sản xuất, chưa có sản phẩm để bán quay vòng vốn đầu tư, nên rất khó khăn về mặt tài chính. Xem xét điều chỉnh số tiền nộp theo từng năm, để giảm bớt áp lực cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản.

- Khoản 4, Điều 11 có quy định: *"Trường hợp trữ lượng khoáng sản được cấp phép lớn, thời gian khai thác còn lại và công suất khai thác trung bình hàng năm không thể hết phần trữ lượng chưa khai thác; tổ chức, cá nhân có thể xin điều chỉnh Giấy phép khai thác về công suất hoặc trữ lượng. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo Giấy phép khai thác hiện hành và được điều chỉnh phù hợp khi Giấy phép khai thác thay thế có hiệu lực pháp luật".*

Quy định như trên là mập mờ, ý câu lập lững, không rõ nghĩa để triển khai thực hiện, đề nghi xem xét điều chỉnh bổ sung làm rõ đối với trường các trường hợp: xin điều chỉnh giảm diện tích, trữ lượng, công suất hoặc điều chỉnh tăng công suất để khai thác hết trữ lượng.

- Khoản 2, Điều 16 có quy định: *"Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh giảm số lần phải nộp và tăng số tiền phải nộp từng lần thì phải có văn bản đề nghị theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, gửi cơ quan cấp phép khai thác*", tuy nhiên trong thực tế lại có trường hợp: Tổ chức, các nhân có nhu cầu xin điều chỉnh tăng số lần phải nộp và giảm số tiền phải nộp từng lần thì phải xử lý như thế nào; trường hợp giấy phép còn thời hạn < 5 năm thì nộp 1 lần là chưa phù hợp; rất khó khăn cho tổ chức, cá nhân khi triển khai thực hiện. Đề nghị xem xét điều chỉnh bổ sung Khoản 2, Điều 16 cho phù hợp với thực tiễn.

2. Những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP

Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Luật Khoáng sản có hiệu lực, mỏ đã có quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; hoạt động khai thác cầm chừng *(không đạt công suất thiết kế)*, thời hạn còn lại của giấy phép < 5 năm; nhiều doanh nghiệp không thực hiện thống kê, kiểm kê đầy đủ trữ lượng khoáng sản thực tế đã khai thác; không lập đầy đủ sổ sách, chứng từ, nghĩa vụ tài chính có liên quan nên đã gây ra nhiều khó khăn trong khâu xác định trữ lượng khoáng sản thực tế đã khai thác từ sau ngày 01/7/2011 *(ngày Luật Khoáng sản có hiệu lực)* đến trước ngày 20/01/2014 *(ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP)* và việc nộp tiền một lần, nên nhiều doanh nghiệp kéo dài thời gian kê khai nộp tiền cấp quyền.

3. Phân tích nguyên nhân của những bất cập, khó khăn, vướng mắc

- Trước ngày Luật Khoáng sản 2010 có hiệu lực, nhiều doanh nghiệp xin đầu tư cấp Giấy phép khai thác với nhiều mục đích khác nhau: cầm cố, vay vốn; đợi thời cơ mua bán, chuyển nhượng quyền khai thác thu lợi; từ sau Luật Khoáng sản 2010 có hiệu lực thông qua chính sách thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nhiều doanh nghiệp không hài lòng với chính sách của nhà nước và tìm mọi cách để trì hoãn thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, rất khó khăn trong khâu xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản.

- Nghị định 203/2013/NĐ-CP ban hành tác động trực tiếp đến nghĩa vụ tài chính của các đối tượng tham gia hoạt động khai thác khoáng sản; Nghị định có nhiều quy định sâu về chuyên môn, phức tạp, nhưng không có thông tư hướng dẫn kịp thời; nhiều nội dung bất cập, không sát hợp với thực tiễn chậm được khắc phục *(nhiều doanh nghiệp không hài lòng với chính sách)*; quá trình triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn và chưa được các doanh nghiệp quan tâm thực hiện.

- Đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; Bộ Tài chính không ban hành khung giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản là khoáng sản nguyên khai (đá sau nổ mìn, đá xô bồ), vì vậy địa phương ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh không ban hành quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản là khoáng sản nguyên khai nên rất khó khăn trong khâu áp dụng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Về giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thay đổi theo thời gian *(thay đổi bảng giá ở địa phương)* tác động đến công tác tính, thu, điều chỉnh tiền cấp quyền hàng năm và công tác theo dõi, quản lý tiền cấp quyền.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Đối với khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép được cấp từ sau ngày 01/7/2011 *(Luật Khoáng sản có hiệu lực)* đến trước ngày 20/01/2014 *(Nghị*

định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực), đề nghị Chính phủ xem xét bãi bỏ truy thu (hồi tố) tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; bởi vì giai đoạn 01/7/2011 ÷ 20/01/2014 các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã hoàn thành việc quyết toán năm; chi phí nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản không cơ cấu vào trong giá thành sản phẩm nên doanh nghiệp không trích lập kinh phí nộp ngân sách nhà nước đối với trữ lượng khoáng sản đã khai thác.

- Đề nghị xem xét điều chỉnh phương thức thu, nộp tiền cấp quyền theo từng năm khai thác để khắc phục tình trạng bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp khai thác khoáng sản như hiện nay và điều chỉnh mức trần thu đối với đấu giá quyền khai thác để khắc phục tình trạng bất bình đẳng giữa đơn vị trúng đấu giá và đơn vị cấp phép khai thác khoáng sản không thông qua đấu giá nộp tiền cấp quyền nhiều lần.

- Đề nghị xem xét điều chỉnh thời điểm nộp tiền cấp quyền phù hợp với thời kỳ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản để giảm áp lực cho các doanh nghiệp.

2. Đối với các Bộ, ngành

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung Nghị định số 203/2013/NĐ-CP hoặc Nghị định thay thế Nghị định số 203/2013/NĐ-CP để khắc phục những tồn tại, bất cập như hiện nay.

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 203/2013/NĐ-CP những nội dung cụ thể được trình bày tại Mục 1, Phần III của báo cáo.

Kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Cục kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Trung;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; Cục Thuế tỉnh;
- VPUB: CVP; PCVP (NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (Vũ 88).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tăng Bính

Phụ biểu số 2a/BC-TCQKS

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY 31/12/2017
NHÓM I: LĨNH VỰC THÔNG THƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 78 /BC-UBND ngày 14 /3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản	Giấy phép khai thác khoáng sản		Tên vị trí mỏ khai thác khoáng sản	Thời gian khai thác (năm)	Quyết định cấp quyền khai thác khoáng sản		Tổng tiền	Số lần nộp	Thời gian nộp	Ghi chú
		Số	Ngày			Số	Ngày				
1	C.ty Cổ phần đá Mỹ Trang	311/QĐ-UB	27/01/2003	Mỏ đá Mỹ Trang, xã Phổ Hoà - Đức Phổ	25	27/QĐ-UBND	18/01/2016	9.366.636.960,00	8	2016 - 2024	
2	Công ty QL và SC đường bộ QN	1591/QĐ-UBND	05/7/2006	Mỏ đá Phổ Phong, xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ	12	46/QĐ-UBND	28/01/2016	1.303.577.280,00	1	2016	
3	Công ty TNHH MTV Hoàng Nguyên Hải	52/GP-UBND	25/07/2016	Mỏ đá Vạn Lý, xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ	4	179/QĐ-UBND	07/04/2016	1.105.656.000,00	1	2016	
4	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	85/GP-UBND	28/12/2016	Mỏ đá Đèo Bình Đê, xã Phổ Châu, huyệ n Đức Phổ (cấp lại)	8	602/QĐ-UBND	11/11/2016	2.003.995.339,00	4	2016 - 2020	
5	Cty CP QL và XD ĐB Bình Định	151/QĐ-UBND	22/01/2007	Mỏ đá Đèo Bình Đê, xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	18	369/QĐ-UBND	29/07/2016	1.481.820.480,00	7,5	2016 - 2024	
6	Công ty TNHH Đại Long	1865/QĐ-UBND	10/11/2009	Mỏ đá An Hội, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	30	381/QĐ-UBND	03/08/2016	13.824.432.000,00	19	2016 - 2035	
7	Công ty XD TM Sông Vệ	1000/QĐ-UBND	23/7/2010	Mỏ đá Hòn Gai, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa	10	33/QĐ-UBND	10/01/2018	3.348.455.733,00	1	2018	
8	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	55/GP-UBND	03/12/2015	Mỏ đá núi Máng, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	8	341/QĐ-UBND	14/10/2015	241.347.816,00	1	2015	

9	Công ty CP XD & KTVLXD Miền Trung	878/QĐ-UBND	27/5/2008	Mỏ đá Núi Giữa, xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh	10	32/QĐ-UBND	22/1/2016	553.945.608,00	1	2016	
10	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1988/QĐ-UBND	27/11/2012	Mỏ đá thôn Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	12	384/QĐ-UBND	04/12/2015	12.405.645.072,00	5	2015 - 2020	
11	Công ty CP LICOGI Quảng Ngãi	11/GP-UBND	06/03/2015	Mỏ đá Núi Cà Ty, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	23	426/QĐ-UBND	05/12/2014	14.774.400.000,00	11,5	2014 - 2016	
12	Xí nghiệp 491 - Công ty Vạn Tường	1967/QĐ-UBND	07/11/2008	Mỏ đá núi Chóp Chài, xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh	10	246/QĐ-UBND	07/08/2015	1.550.634.000,00	1	2015	
13	C.ty Cổ phần 504	519/QĐ-UBND	31/3/2009	Mỏ đá Gò Bè, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	8	12/QĐ-UBND	05/01/2017	632.068.272,00	1	2017	
14	Công ty CP XDCT Quảng Ngãi	31/GP-UBND	09/7/2015	Mỏ đá Thế Lợi, xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh	12	161/QĐ-UBND	01/06/2015	2.264.648.760,00	6	2015 - 2021	
15	Công ty CP XD & KTVLXD Miền Trung	2260/QĐ-UBND; Gia hạn số 486/QĐ-UBND	16/8/2005; Gia hạn 09/4/2015	Mỏ đá Bàn, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	11	234/QĐ-UBND	30/07/2015	695.018.880,00	1	2015	
16	Công ty CPPT Cơ sở Hạ tầng Quảng Ngãi	1266/QĐ-UBND, Gia hạn 418/QĐ-UBND	28/7/2008; Gia hạn 27/11/2014	Mỏ đá Bình Thanh, xã Bình Thanh Đông, huyện Bình Sơn	25	400/QĐ-UBND	400/QĐ-UBND, ngày 04/11/2014	3.324.240.000,00	6	2014 - 2020	

17	Công ty CP TM ABH Thiên Tân	23/GP-UBND	06/04/2016	Mỏ đá Phước Hoà, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	10	165/QĐ-UBND	31/03/2016	8.640.000.000,00	5	2016 - 2021	
18	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1737/QĐ-UBND	23/10/2008	Mỏ đá thôn Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn.	12	74/QĐ-UBND	24/02/2016	2.491.640.352,00	2	2016 - 2017	
19	C.ty CP ĐT XD Tân Ốc Đảo	518/QĐ-UBND	02/4/2010	Mỏ đá Bình Nguyên, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	14	31/QĐ-UBND	21/01/2016	6.847.495.056,00	4	2016 - 2020	
20	C.ty Cp XD Đô thị và Khu Công nghiệp	1417/QĐ-UBND, Gia hạn số 937/QĐ-UBND	20/10/2010; Gia hạn 05/7/2013	Mỏ đá Thượng Hòa, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	16	424/QĐ-UBND	30/08/2016	1.789.222.608,00	1	2016	
21	Công ty TNHH Thành Long	1005/QĐ-UBND	05/7/2012	Mỏ đá Hang Hùm - Gò Dê, xã Bình Thanh Đông-Bình Hòa, huyện Bình Sơn, tỉnh QN	11	423/QĐ-UBND	30/08/2016	4.757.846.688,00	4	2016 - 2020	
22	Công ty CP Khoáng sản và ĐT Sài Gòn	2162/QĐ-UBND	03/8/2005	Mỏ đá Chập Tối, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn	16	514/QĐ-UBND	12/10/2016	6.912.000.864,00	10	2016 - 2026	
23	Công ty TNHH MTV TM và ĐT An Phú Vinh Quảng Ngãi	52/GP-UBND	25/7/2016	Mỏ đá thôn Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn.	19	338/QĐ-UBND	15/07/2016	7.699.664.736,00	6	2016 - 2022	Chuyển nhượng QKT từ Công ty Cổ phần 20/7

24	Công ty TNHH Xây dựng Đồng Tâm	30/GP-UBND	15/05/2017	Mỏ đá Trà Dinh, Trà Lãnh, huyện Tây Trà	12	154/QĐ-UBND	24/03/2016	918.267.840,00	1	2016	Chuyển nhượng QKT từ Công ty Xây lắp Quyết Thắng
25	Công ty CP XD Giao thông Quảng Ngãi	21/GP-UBND	06/04/2016	Mỏ đá Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ	10	76/QĐ-UBND	25/02/2016	2.078.489.808,00	5	2016 - 2021	
26	Công ty Cổ phần 20/7	06/GP-UBND	18/10/2013	Mỏ đá thôn 3, xã Trà Thuỷ, huyện Trà Bồng	7	13/QĐ-UBND	04/01/2018	612.947.610,00	1	2018	
27	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO tại Quảng Ngãi	02/GP-UBND	11/01/2017	Mỏ Puzơlan núi Đầu Voi, xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	28	202/QĐ-UBND	29/04/2016	223.368.948,00	1	2016	
						740/QĐ-UBND	30/12/2016	1.612.951.200,00	14	2016 - 2030	
28	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long	05/GP-UBND	19/01/2016	Mỏ đá BaZan đèo Bà Tể, xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi	7	78/QĐ-UBND	05/03/2015	1.171.879.200,00	4	2015 - 2019	
29	Công ty TNHH Khai thác Hưng Thịnh	32/GP-UBND	29/05/2017	Mỏ đá Đông Bình, xã Bình Chánh	11	166/QĐ-UBND	23/02/2017	2.343.925.269,00	6	2017 - 2023	
30	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Đức	33/GP-UBND	29/05/2017	Mỏ đá Bình Đông và Bình Thuận, huyện Bình Sơn	10	327/QĐ-UBND	09/05/2017	2.682.477.000,00	5	2017 - 2022	
31	Công ty CP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	55/GP-UBND	17/08/2017	Mỏ đá Bình Đông 1, xã Bình Đông	10	362/QĐ-UBND	29/05/2017	1.960.498.026,00	5	2017 - 2022	

Ghi chú: Số tiền đã thu 2014 – 2017 khoảng: 39.481.282.728,32

Phụ biểu số 2b/BC-TCQKS

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY 31/12/2017

MỎ CÁT, SỎI LÒNG SÔNG LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 38 /BC-UBND ngày 14 /3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản	Giấy phép khai thác khoáng sản		Tên, vị trí khu vực khai thác	Thời hạn khai thác (năm)	Quyết định cấp quyền khai thác		Tổng tiền (đồng)	Số lần nộp	Thời gian nộp (từ năm đến năm)	Ghi chú
		Số	Ngày			Số	Ngày				
1	Công ty Cp ĐT XD Thiên Tân	03/GP-UBND	27/03/2014	Mỏ cát Thôn 3 và Thôn 4, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức	1			126.144.000	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép khoáng sản
2	Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng	08/GP-UBND	23/04/2014	Mỏ cát thôn Tân Phước, xã Bình Minh, huyện Bình Sơn	1	181/QĐ-UBND	23/01/2014	2.261.500.000	1		UBND huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá
3	Hợp tác xã Nông nghiệp Khánh Thành Tịnh Minh	24/GP_UBND	28/07/2014	Mỏ cát thôn Minh Khánh, Tịnh Minh, Sơn Tịnh	1			64.000.000	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép khoáng sản
4	DNTN Xây dựng và Thi công Cơ giới Việt Linh	25/GP_UBND	29/07/2014	Mỏ cát Nghĩa Lập - Đức Hiệp, Mộ Đức	1			87.600.000	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép khoáng sản
5	Công ty TNHH XD Minh Long	26/GP_UBND	31/07/2014	Mỏ cát thôn Tân Phú 1, Hành Tín Tây, Nghĩa Hành	0,5	204/QĐ-UBND	15/04/2014	45.000.000	1		UBND huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá
6	Công ty CP SXTM và DV Đại Nguyên	31/GP_UBND	10/09/2014	Mỏ cát thôn Phước Lộc - Tịnh Sơn - Sơn Tịnh	2	861/QĐ-UBND	11/03/2014	2.020.000.000	1		UBND huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá
7	Công ty TNHH XL & TM Phú Cường	32/GP_UBND	10/09/2014	Mỏ cát Xuân Đình, Hành Thịnh, Nghĩa Hành	0,5	213/QĐ-UBND	15/06/2014	240.000.000	1		UBND huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá
8	Công ty TNHH MTV Sơn Anh	34/GP_UBND	10/09/2014	Mỏ cát Khánh Giang 2, Hành Tín Đông, Nghĩa Hành	0,5	214/QĐ-UBND	15/06/2014	64.500.000	1		UBND huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá

9	Công ty TNHH MTV Hoàng Lâm	33/GP_UBND	10/09/2014	Mỏ cát Vạn Xuân 2, Hành Thiện, Nghĩa Hành	0,5	205/QĐ-UBND	15/04/2014	360.000.000	1		UBND huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá
10	Công ty TNHH Hoàng Long	15/GP-UBND	13/03/2015	Mỏ cát thôn Bình Trung, xã Trà Bình, Trà Bồng	1	122/QĐ-UBND	29/01/2015	67.744.000	1	2015	UBND huyện tổ chức đấu giá
11	Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Đồng Tiến	43/GP-UBND	18/09/2015	Mỏ cát CS6 Làng Mùng, xã Sơn Bao	1	237/QĐ-UBND	04/08/2015	29.200.000	1	2015	UBND huyện tổ chức đấu giá
12	Công ty TNHH MTVXD Quang Đất Việt	16/GP-UBND	16/03/2015	Mỏ cát xã Nghĩa Thắng - Tư Nghĩa	1	1795/QĐ-UBND	02/7/2014	650.000.000	1	2014	UBND huyện tổ chức đấu giá
13	Công ty Xây dựng Thành Đạt	26/GP-UBND	07/05/2015	Mỏ cát Nghĩa Thuận, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	1	1796/QĐ-UBND	02/7/2014	610.000.000	1	2014	UBND huyện tổ chức đấu giá
14	Chi nhánh Công ty Cổ phần Phương Hồng tại Quảng Ngãi	40/GP-UBND	10/09/2015	Mỏ cát thôn 1, 2 và 6, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa	1	2191/QĐ-UBND	15/7/2015	610.000.000	1	2015	UBND huyện tổ chức đấu giá
15	Công ty TNHH MTV XD Thiên Minh Phát	44/GP-UBND	21/09/2015	Mỏ cát Mỹ Hòa, Nghĩa Mỹ, Tư Nghĩa	1	1037/QĐ-UBND	08/05/2015	1.850.000.000	1	2015	UBND huyện tổ chức đấu giá
16	Công ty TNHH Thi Sơn	02/GP-UBND	12/01/2016	Mỏ cát thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	1	366/QĐ-UBND	12/11/2015	344.925.000	1		
17	Công ty TNHH TM VT Hân Nga	11/GP-UBND	29/01/2016	Mỏ cát thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	1	01/QĐ-UBND	05/01/2016	230.008.400	1		
18	Công ty Cổ phần thương mại ABH Thiên Tân	23/GP-UBND	08/04/2016	Mỏ cát thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	2	130/QĐ-UBND	08/04/2016	672.476.000	1		
19	Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi	25/GP-UBND	15/04/2016	Mỏ cát thôn Liên Hiệp 1, phường Trương Quan Trọng, thành phố Quảng Ngãi	2	426/QĐ-UBND	18/03/2016	902.714.040	1		
20	Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi	26/GP-UBND	15/04/2016	Mỏ cát Lô 2, Doi 10, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi	2	157/QĐ-UBND	28/03/2016	155.355.840	1		
21	Công ty TNHH XL Minh Thành	36/GP-UBND	01/06/2016	Mỏ cát thôn An Phú, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi	2	201/QĐ-UBND	29/04/2016	1.135.260.000	1		

22	Công ty TNHH XD Phú Gia Thịnh	47/GP-UBND	18/07/2016	Mỏ cát thôn An Phú, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi	2	309/QĐ-UBND	30/06/2016	596.891.900	1		
23	Công ty TNHH MTV 19/5	53/GP-UBND	29/07/2016	Mỏ cát Thác Gốc, xã Bình Minh, huyện Bình Sơn	1	257/QĐ-UBND	01/6/2016	324.800.000	1		
24	Xí nghiệp Xây dựng Trung Minh	54/GP-UBND	29/07/2016	Mỏ cát thôn Lộc Thịnh, xã Bình Minh, huyện bình Sơn	1	247/QĐ-UBND	30/05/2016	569.800.000	1		
25	Công ty TNHH Lộc Thịnh	58/GP-UBND	11/08/2016	Mỏ cát trên Xi Phông, xã Bình Chương, huyện Bình Sơn	1	253/QĐ-UBND	01/06/2016	214.200.000	1		
26	Công ty CP ĐT 706	55/GP-UBND	03/08/2016	Mỏ cát phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi	3	302/QĐ-UBND	19/06/2016	1.818.852.000	1		
27	Công ty TNHH MTV Đạt Phú Thành	31/GP-UBND	29/05/2016	Mỏ cát thôn Bãi Màu, thôn Đắc Ròng, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây	1	196/QĐ-UBND	21/04/2016	50.316.000	1		
28	Xí nghiệp Xây dựng Tấn Nguyên	43/GP-UBND	06/07/2016	Mỏ cát Mô Nic thôn Mang Trẫy, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây	1	186/QĐ-UBND	14/04/2015	47.642.000	1		
29	Công ty TNHH XL và TM Thành Phát	46/GP-UBND	15/07/2016	Mỏ cát CS6, thôn Làng Mùng, xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà	2	269/QĐ-UBND	19/06/2016	116.830.000	1		
30	Công ty TNHH ĐT&XD BK Sơn Hà	57/GP-UBND	09/08/2016	Mỏ cát thôn Gò Găng, xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà	2	263/QĐ-UBND	06/06/2016	331.464.000	1		
31	Công ty TNHH XD và TM Tiến Giang	62/GP-UBND	09/09/2016	Mỏ cát Bãi Màu, thôn ĐăcRong, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây	1	222/QĐ-UBND	17/05/2016	34.398.000	1		
32	Công ty Thành An 119	60/GP-UBND	01/09/2016	Mỏ cát Lô 1-Đoi 10 phường Lê Hồng Phong và phường Trần Phú, Tp Quảng Ngãi	2	187/QĐ-UBND	19/04/2016	875.099.882	1		
33	Công ty CP Phát triển bất động sản phát Đạt	54/GP-UBND	02/08/2017	Mỏ cát Tổ 6, phường Lê Hồng Phong, Tp Quảng Ngãi	2	423/QĐ-UBND	13/6/2017	704.232.800	1		
34	Công ty Cổ phần Đầu tư hà Mỹ Á	66/GP-UBND	24/10/2017	Mỏ cát xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa	2,5	630/QĐ-UBND	09/08/2017	1.334.751.040	1		

Phụ biểu 2c/BC-TCQKS

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY 31/12/2017

MỎ ĐẤT ĐỒI LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 38 /BC-UBND ngày 14 /3/ 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên tổ chức cá nhân khai thác khoáng sản	Giấy phép khai thác khoáng sản		Vị trí mỏ khai thác	Thời hạn khai thác (năm)	Quyết định cấp quyền khai thác		Tổng tiền (đồng)	Số lần nộp	Thời gian nộp (từ năm đến năm)	Ghi chú
		Số	Ngày			Số	Ngày				
1	Công ty TNHH Một thành viên Khánh Ly	02/GP-UBND	07/3/2014	Mỏ đất đồi làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn Long Hội, xã Bình Long, huyện Bình Sơn	2			91.371.240	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
2	Công ty TNHH Lộc Thịnh	04/QĐ-UBND	02/4/2014	Mỏ đất đồi làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn Liên Trì, xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn	2			38.070.000	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
3	Công ty CP Đầu tư 706	05/GP-UBND	04/11/2014	Mỏ đất đồi làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn Tân An, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	2,5			232.412.400	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
4	Công ty CP Đầu tư 706	06/GP-UBND	04/11/2015	Mỏ đất đồi làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn Đồng Vân, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	2			158.256.000	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
5	Doanh nghiệp tư nhân Quảng Thành	07/GP-UBND	22/4/2014	Mỏ đất đồi thôn Thọ Đông, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	2			145.225.170	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
6	Công ty CP Đầu tư 706	09/GP-UBND	16/5/2014	Mỏ đất đồi núi Bà Chè, thôn Hòa Bình, xã Tịnh Ấn Đông, Tp Quảng Ngãi	2			208.384.020	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
7	Công ty TNHH MTV ĐT, XD và KD dịch vụ Quảng Ngãi	10/GP-UBND,	16/5/2014	Mỏ đất đồi thôn Thọ Đông, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	2			112.537.665	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
8	Công ty CPĐT XD Thiên Tân	11/GP-UBND,	03/6/2014	Mỏ đất đồi thôn 2, tổ dân phố 3, thị Trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức	2			165.772.800	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
9	DNTN Quảng Thành	12/GP-UBND	09/6/2014	Mỏ đất đồi Núi Bà Lới, thôn Bình Đăng và Độc Lập, xã Tịnh Ấn Đông, Tp Quảng Ngãi	2	37/QĐ-UBND	02/02/2015	74.175.300	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép

10	Công ty Cổ phần TM Phú Trường	14/GP_UBND	24/6/2014	Mỏ đất Núi Lệ Thủy, thôn Lệ Thủy, xã Tịnh Châu, Tp Quảng Ngãi	2			129.127.230	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
11	Danh nghiệp tư nhân Thạch An	15/GP_UBND	27/6/2014	Mỏ đất thôn Bàn Thạch - Phổ Cường, huyện Đức Phổ	2			178.380.000	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
12	DNTN Xây dựng và TC Cơ giới Việt Linh	16/GP_UBND	30/6/2014	Mỏ đất thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	2			29.368.800	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
13	Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hân Nga	18/GP_UBND	30/6/2014	Mỏ đất núi Động Dài - Núi Chùa, thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Thiện, Tp Quảng Ngãi	2			370.144.890	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
14	Công ty TNHH Đầu tư Sơn Cường	20/GP_UBND	30/6/2014	Mỏ đất núi Lệ Thủy - Tịnh Châu - Tp Quảng Ngãi	2			65.818.800	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
15	Doanh nghiệp tư nhân Thành Danh	21/GP_UBND	07/04/2014	Mỏ đất Mỹ Trang - Phổ Cường, Đức Phổ	2			132.753.600	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
16	Công ty TNHH MTV Công Bình Kiều	22/GP_UBND	04/7/2014	Mỏ đất Long Thạnh 1 - Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	2			119.829.600	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
17	Công ty TNHH MTV Thiên Minh Tiến	23/GP_UBND	07/08/2014	Mỏ đất Kỳ Thọ Nam 1, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	2			133.769.025	1		Tiền cấp quyền ghi trong Giấy phép
18	Công ty TNHH MTV Hải Phước	36/GP-UBND	30/9/2014	Mỏ đất Núi Ông Táo, thôn La Vân, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	2	344/QĐ-UBND	15/09/2014	150.000.300	1		
19	Công ty TNHH MTV 19/5	39/GP-UBND	11/05/2014	Mỏ đất đồi thôn Tham Hội I, xã Bình Thanh Đông, huyện Bình Sơn	2	1403/QĐ-UBND	25/9/2014	81.000.000	1		
20	DNTN Xây dựng Thanh Long	41/GP-UBND	20/11/2014	Mỏ đất thôn Long Thạnh, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	2	397/QĐ-UBND	30/10/2014	45.000.000	1		
21	Công ty TNHH MTV Chiêu Kỳ	42/GP-UBND	25/11/2014	Mỏ đất Đồi Mé, thôn 4, xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn	2	1396/QĐ-UBND	25/9/2014	98.999.820	1		
22	Doanh nghiệp Tư nhân XD Hà Vân	02/GP-UBND	09/01/2015	Mỏ đất đồi Núi Ông Đọ, xã Đức Phong, huyện Mộ Đức	2	413/QĐ-UBND	20/11/2014	70.800.000	1		

23	Công ty Cổ phần XD Phước Lợi	12/GP-UBND	06/3/2015	Mỏ đất thôn Phước Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	2	482/QĐ-UBND	31/12/2014	576.000.000	1		
24	Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Ngãi	17/GP-UBND	26/3/2015	Mỏ đất thôn Phước Thọ 1, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	2	86/QĐ-UBND	16/3/2015	12.751.000	1		
25		29/GP-UBND	11/6/2015	Mỏ cát thôn Trung An, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	2	150/QĐ-UBND	27/5/2015	79.380.000	1		
26		34/GP-UBND	24/7/2015	Mỏ đất thôn Thượng Hòa, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	2	185/QĐ-UBND	24/6/2015	117.450.000	1		
27	Công ty Cổ phần Đầu tư 706	18/GP-UBND	26/6/2015	Mỏ đất thôn Xuân An, xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	2	81/QĐ-UBND	6/3/2015	176.890.095	1		
28	Công ty TNHH MTV An Phú	19/GP-UBND	01/4/2015	Mỏ đất thôn Nam Bình II, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	2	79/QĐ-UBND	03/05/2015	113.400.000	1		
29	Công ty TNHH Thiện Phát	25/GP-UBND	07/5/2015	Mỏ đất thôn Phước Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	2	121/QĐ-UBND	20/4/2015	130.000.000	1		
30	Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	27/GP-UBND	11/5/2015	Mỏ đất khu dân cư Sơn Tịnh, phường Trương Quang Trọng	1	94/QĐ-UBND	24/3/2015	15.527.000	1		
31	Công ty TNHH Hoàng Hải	32/GP-UBND	15/7/2015	Mỏ đất Núi Giữa thôn Thọ Đông, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	2	151/QĐ-UBND	27/5/2015	183.259.800	1		
32	Công ty CP KS Quảng Ngãi	34/GP-UBND	24/7/2015	Mỏ đất thôn Thượng Hòa, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	2	185/QĐ-UBND	24/6/2015	117.450.000	1		
33	Công ty TNHH XL và TM Xuân Phát	41/GP-UBND	11/9/2015	Mỏ đất Núi Đoài, thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Thiện, Tp Quảng Ngãi	3	266/QĐ-UBND	21/8/2015	234.600.000	1		
34	Công ty TNHH Chiêu Kỳ	45/GP-UBND	21/9/2015	Mỏ đất thôn Long Xuân, xã Bình Long, huyện Bình Sơn	2	186/QĐ-UBND	24/6/2015	82.797.820	1		
35	Công ty CP ĐT 706	49/GP-UBND	14/10/2015	Mỏ đất Núi Làng, thôn Hòa Bình, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi	3	255/QĐ-UBND	13/8/2015	270.000.000	1		
36	Công ty CPTM Phú Trường	41/GP-UBND	20/6/2016	Mỏ đất Trung An, Bình Thạnh, Bình Sơn	1,5	395/QĐ-UBND	12/11/2015	60.750.000	1		
37	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phùng Hưng			Xin khai thác đất Nhơn Hòa - Bình Tân - Bình Sơn		09/QĐ-UBND	07/01/2015	126.000.360	1		Chưa trình cấp Giấy phép
38	Công ty CP ĐTXD & TM Khởi minh	14/GP-UBND	25/02/2016	Mỏ đất núi Bé, An Hòa Nam, Nghĩa Thắng, Tư Nghĩa	2	411/QĐ-UBND	24/12/2015	86.400.000	1		
39	Công ty CPSXTM và DV Đại Nguyên	13/GP-UBND	02/05/2016	Mỏ đất An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	2	417/QĐ-UBND	28/12/2015	167.199.300	1		

40	Công ty TNHH Thạnh Phát	09/GP-UBND	22/11/2013	Mỏ đất thôn Tân Hy, xã Bình Đông, Bình Sơn		47/QĐ-UBND	28/01/2016	153.000.090	1		
41	Công ty TNHH Phước Lộc	23/GP-UBND	04/07/2016	Mỏ đất thôn Tây, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh	3	143/QĐ-UBND	17/3/2016	152.760.028	1		
42	Doanh nghiệp tư nhân Quảng Thành	19/GP-UBND	25/03/2016	Mỏ đất Gò Dê, Tịnh Ấn Đông, Tp Quảng Ngãi	3	242/QĐ-UBND	19/02/2016	113.200.200	1		
43	Công ty CPXD Đô thị và KCN	37/GP-UBND	6/6/2016	Mỏ đất núi Chùa, thôn Khánh Lâm, Tịnh Thiện, Tp Quảng Ngãi	1	124/QĐ-UBND	14/3/2016	74.900.000	1		
44	Công ty TNHH MTV Chiêu Kỳ	18/GP-UBND	23/03/2016	Mỏ đất đồi thôn Phú Long 1, xã Bình Phước, Bình Sơn.	2,6	292/QĐ-UBND	09/09/2015	167.759.910	1		
45	Công ty TNHH Lộc Thịnh	63/GP-UBND	13/9/2016	Mỏ đất Núi Trám, thôn Liên Trì, Bình Hiệp, Bình Sơn	3	215/QĐ-UBND	10/5/2016	108.135.000	1		
46	Công ty CP Đầu tư 706	34/GP-UBND	30/5/2016	Mỏ đất núi Bà Chè, Tịnh Ấn Đông, Tp Quảng Ngãi	1	216/QĐ-UBND	05/11/2016	119.999.700	1		
47	Công ty CP Đầu tư 706	18/GP-UBND	26/3/2015	Đèo Ông Vịnh, xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	3	264/QĐ-UBND	18/8/2015	228.000.285	1		
48	Công ty TNHH Ánh Cường	42/GP-UBND	05/7/2016	Mỏ đất Tri Bình, Bình Nguyên, Bình Sơn	2	245/QĐ-UBND	26/5/2016	162.450.004	1		
49	Công ty TNHH XDTM và DV vận tải Bảo Châu	76/GP-UBND	30/11/2016	Mỏ đất san lấp Trì Bình, Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	1,5	426/QĐ-UBND	31/8/2016	54.675.000	1		
50	Công ty CP ĐTXD Thiên Tân	79/GP-UBND	12/12/2016	Mỏ đất Tân An Khánh Lâm Tịnh Thiện, Tp Quảng Ngãi	2,5	459/QĐ-UBND	15/9/2016	199.872.000	1		
51	Công ty CP TM Phú Trường	14/GP-UBND	24/2/2017	Mỏ đất núi Lệ Thủy, thôn Lệ Thủy, xã Tịnh Châu, Tp Quảng ngãi	2,5	120/QĐ-UBND	02/07/2017	133.974.810	1		
52	Công ty TNHH Phước Thịnh	26/GP-UBND	28/4/2017	Mỏ đất thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	2	445/QĐ-UBND	09/08/2016	72.880.200	1		
53	Công ty TNHH MTV Trung Nam Phong	28/GP-UBND	05/11/2017	Mỏ đất thôn Thượng Hòa, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	3	451/QĐ-UBND	13/9/2016	499.463.820	1		
54	Công ty TNHH MTV Trung Nam Phong	29/GP-UBND	05/12/2017	Mỏ cát đồi thôn Hải Ninh, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	3	452/QĐ-UBND	13/9/2016	88.966.350	1		
55	Công ty TNHH MTV XD Thương mại Tuấn Đạt	51/GP-UBND	28/7/2017	Mỏ đất núi Đồng Nà, thôn Phú Lộc, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	3	406/QĐ-UBND	06/08/2017	208.210.419	1		

56	Công ty TNHH Minh Huy	36/GP-UBND	06/08/2017	Mỏ đất Thiệp Sơn, Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	2,5	444/QĐ-UBND	09/08/2016	125.550.000	1		
57	Công ty TNHH Minh Mẫn	45/GP-UBND	17/7/2017	Mỏ đất Núi Trại Thiệt, thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ	2	411/QĐ-UBND	06/08/2017	90.200.000	1		
58	Công ty TNHH Minh Mẫn	47/GP-UBND	20/7/2017	Mỏ đất Vườn Đào, thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	1	413/QĐ-UBND	06/08/2017	33.136.300	1		
59	Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng 179	73/GP-UBND	17/11/2017	Mỏ đất Núi Chùa, thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Thiện, Tp Quảng Ngãi	2	743/QĐ-UBND	19/10/2017	129.969.360	1		
60	Chi nhánh Công ty TNHH MTV XD Vạn Tường - Xí nghiệp 309	65/GP-UBND	24/10/2017	Mỏ đất núi Lệ Thủy, thôn Lệ Thủy, xã Tịnh Châu, Tp Quảng ngãi	2	554/QĐ-UBND	04/10/2017	42.810.120	1		
61	Công ty TNHH XL An Lộc Phát	72/GP-UBND	15/11/2017	Mỏ đất thôn Phi Hiền, xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	2,5	795/QĐ-UBND	11/02/2017	114.276.420	1		
62	Công ty TNHH Bách Bằng	79/GP-UBND	30/11/2017	Mỏ đất thôn Thanh Bình, xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	1	793/QĐ-UBND	11/02/2017	30.764.610	1		
63	Công ty TNHH Bách Bằng	77/GP-UBND	30/11/2017	Mỏ đất thôn Mỹ Trang, xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	2	794/QĐ-UBND	11/02/2017	47.414.970	1		

Phụ biểu 2d/BC-TCQKS

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY 31/12/2017

KHAI THÁC KHỐI LƯỢNG KHOÁNG SẢN TRONG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Báo cáo số 78 /BC-UBND ngày 19 /3/ 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên tổ chức cá nhân đăng ký khai thác khoáng sản	Giấy phép thăm dò		Tên vị trí khu vực dự án có khoáng sản đăng ký khai thác	Khối lượng đăng ký (m^3)	Thời hạn khai thác (năm)	Quyết định cấp quyền khai thác		Tổng tiền (đồng)	Số lần nộp	Thời gian nộp	Ghi chú
		Số	Ngày				Số	Ngày				
I	ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP											
1	Doanh nghiệp tư nhân Quảng Thành			Dự án cải tạo mặt bằng tại khu vực Núi Lớn, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi	70.616	1	37/QĐ-UBND	02/02/2015	63.554.400	1		
2	Công ty CP LICOGI Quảng Ngãi			Đăng ký đất san lấp trong Dự án khai thác mỏ đá Cà Tí, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	300.000	1	159/QĐ-UBND	01/06/2015	243.000.000	1		
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Tân Ốc Đảo			Đăng ký đất san lấp trong Dự án khai thác mỏ đá granit Bình Nguyên, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	300.000	1	159/QĐ-UBND	01/06/2015	243.000.000	1		
4	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Nam Đạt			Đăng ký đất san lấp trong Dự án cải tạo trường bắn tại núi Bàn Cờ, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	100.000	1	321/QĐ-UBND	28/09/2015	85.500.000	1		
5	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Minh Danh				100.000	1	333/QĐ-UBND	28/09/2015	85.500.000	1		
6	Công ty CPĐT Phát triển Hợp Nghĩa			Đăng ký khối lượng Đất san nền DA Nhà máy Bột - Giấy VNT 19 xã Bình Phước, Bình Sơn	600.000	1	75/QĐ-UBND	25/02/2016	486.000.000	1		
7	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi			Đăng ký khối lượng đất bóc tầng phủ Dự án mỏ đá thôn Trì Bình, xã Bình Nguyên	150.000	1	74/QĐ-UBND	24/02/2016	121.500.000	1		
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa			Dự án bồi thường, cải tạo mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư vào phía đông Dung Quất	250.500	1	246/QĐ-UBND	27/5/2016	202.905.000	1		

9	CN Công ty TNHH MTV ĐTXD Vạn Tường - Xí nghiệp 309			Đăng ký khối lượng đất tầng phủ Dự án mỏ đá Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh	20.000	1	477/QĐ-UBND	23/9/2016	8.587.170	1		
10	Công ty Cổ phần 20/7			Đăng ký khối lượng đất tầng phủ Dự án mỏ đá Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	20.000	1	302/QĐ-UBND	15/09/2015	20.250.000	1		
11	Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Quảng Ngãi			Đăng ký khối lượng đất tầng phủ Dự án mỏ đá Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	50.000	1	597/QĐ-UBND	07/11/2016	40.500.000	1		
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa			Đăng ký khối lượng Đất san nền DA Nhà máy Bột - Giấy VNT 19 xã Bình Phước, Bình Sơn	900.000	1	83/QĐ-UBND	18/01/2017	729.000.000	1		
13	Công ty TNHH Đại Long			Đăng ký khối lượng đất san lấp Dự án khai thác mỏ đá An Hội, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	364.337	1	123/QĐ-UBND	08/02/2017	295.112.970	1		
14	Công ty TNHH Phú Điền			Đăng ký đất san lấp Dự án Nhà máy gạch Tuynel Phú Điền II, xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	14.456	1	331/QĐ-UBND	09/05/2017	11.124.408	1		
15	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tín Nghĩa			Tiểu dự án: Sữa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn Hồ chứa nước Đập Làng thuộc Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	39.997	1	444/QĐ-UBND	26/06/2017	30.778.184	1		
16	Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật liệu Phước Lợi			Dự án đường dân sinh dọc theo ranh giới phía Tây Bắc tại khu vực Hóc Khế, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn;	8.890	0,5	827/QĐ-UBND	14/11/2017	6.480.810	1		
17	Công ty Cổ phần Thương mại ABH-Thiên Tân			Đăng ký khối lượng đất bóc tầng phủ tại mỏ đá Phước Hòa, xã Bình Trị và Bình Đông, huyện Bình Sơn	100.000	1	687/QĐ-UBND	19/12/2017	81.000.000	1		
18	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	6513/BXN-UBND	23/10/2017	Đất san lấp Đồi Sáo, xã Bình Thuận thuộc Dự án khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất	66.000	2	592/QĐ-UBND	25/08/2017	48.114.000	1		
II	CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG											
1	Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5			Dự án cầu rà Bồng, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn	11.000	1	52/QĐ-UBND	12/02/2015	14.256.000	1		
2	Công ty TNHH Thi Sơn			Gói thầu A4 - Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	200.000	1	184/QĐ-UBND	01/06/2015	191.175.000	1		

3	Công ty CPTM ABH Thiên Tân			Gói thầu A5 - Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	340.000	1	199/QĐ-UBND	01/7/2015	477.360.000	1		
4	Công ty Cổ phần Đạt Phương			Đăng ký khối lượng cát làm VLXD thuộc Dự án Thủy điện Sơn Trà 1 xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà và xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây	25.500	1	200/QĐ-UBND	29/04/2016	357.000.000	1		
5	Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh			Đăng ký khối lượng cát làm VLXD thuộc Dự án cầu Thạch Bích thuộc địa phận phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi	25.208	1	752/QĐ-UBND	30/12/2016	352.912.000	1		
6	Công ty TNHH Thương mại Hương Lúa				5.884	1	228/QĐ-UBND	24/03/2017	82.376.000			
7	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Minh Trường Phát			Đăng ký khối lượng cát làm VLXD thuộc Dự án nạo vét từ lòng hồ Thủy điện Huy Măng, xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây	15.000	1	621/QĐ-UBND	01/09/2017	210.000.000			
III	ĐÁ LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG											
1	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Thiên Phúc			Đá xây dựng trong Dự án Khu công nghiệp Thiên Phúc, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	49.000	1	50/QĐ-UBND	02/02/2016	190.512.000	1		
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 406	3479/BXN-UBND	13/06/2017	Đá xây dựng thuộc Dự án Công trình thủy điện Sơn Tây, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	50.000	1	403/QĐ-UBND	07/06/2017	170.100.000	1		
3	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây lắp và Thương mại Thịnh Phú	4946/BXN-UBND	14/08/2017	Đá xây dựng thuộc Gói thầu A4 – Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi thuộc xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn	140.000	1	486/QĐ-UBND	11/07/2017	476.280.000	1		
4	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	6513/BXN-UBND	23/10/2017	Đá xây dựng Đồi Sáo, xã Bình Thuận thuộc Dự án khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất	154.000	2	592/QĐ-UBND	25/08/2017	523.908.000	1		
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa			Đá xây dựng trong Dự án Bồi thường, cải tạo mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư vào phía Đông Dung Quất	548.686	3	839/QĐ-UBND	17/11/2017	1.866.629.772	1		Chưa xác nhận khu vực khoáng sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thiên Tân			Đá xây dựng thuộc Dự án Thủy điện Đakre thuộc địa bàn xã Ba Xa, huyện Ba Tơ	49.000	1	979/QĐ-UBND	26/12/2017	206.500	1		Chưa xác nhận khu vực khoáng sản

IV	CÁT NHIỄM MẶN LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP											
1	Công ty TNHH Phú Điền	3449/BXN-UBND	12/06/2017	Nạo vét cát nhiễm mặn thuộc Dự án Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa thuộc xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	13.011	1	397/QĐ-UBND	01/06/2017	9.690.300	1		
2	Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi	3139/BXN-UBND	29/05/2017	Nạo vét cát nhiễm mặn thuộc Dự án nạo vét Luồng vào cảng chuyên dùng sử dụng chung Khu kinh tế Dung Quất	1.940.000	2	209/QĐ-UBND	16/03/2017	2.357.100.000	1		
3	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	3653/BXN-UBND	20/06/2017	Nạo vét cát nhiễm mặn san lấp mặt bằng khu vực cảng và tuyến luồng tàu vào cảng, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn thuộc Dự án khu liên hợp sản xuất thép Hòa Phát Dung Quất	5.000.000	2	432/QĐ-UBND	20/06/2017	5.103.000.000	1		

Ghi chú:

- Đất làm vật liệu san lấp: 18 hồ sơ;
- Cát, sỏi lòng sông: 07 hồ sơ;
- Đá làm vật liệu xây dựng: 06 hồ sơ;
- Cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp: 3 hồ sơ;